|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  28/3/2024 | Dạy | Ngày | 6/4/2024 | 6/4/2024 |
| Tiết | 1,2 | 3,4 |
| Lớp | 8A | 8B |

BÀI 9 NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

**TIẾT 115,116: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1: VẺ ĐẸP CỦA BÀI THƠ CẢNH KHUYA**

- Lê Trí Viễn -

**I. Mục tiêu**

**1.Về kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”.

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Lê Trí Viễn thể hiện qua văn bản.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ…

- Nhận biết được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học qua các văn bản đọc hiểu trong SGK.

- Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện.

**3.Về phẩm chất**

- Yêu thích tìm hiểu, khám phá các giá trị của tác phẩm văn học; trân trọng những sáng tạo nghệ thuật và có ý thức gìn giữ giá trị của những sản phẩm đó.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

GV: - Máy tính, máy chiếu- Phiếu học tập

HS: Đọc và soạn bài, thông tin tác giả

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (Thời gian: 13 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ : Tìm hiểu về luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về luận đề, luận điểm,lílẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân - nhóm để hoàn thành với phần câu hỏi gợi dẫn sau:   |  |  | | --- | --- | | **GÓC CHIA SẺ** | | | 1. Các em đã từng học những văn bản nghị luận văn học nào trong chương trình Ngữ văn ở lớp 6, lớp 7? Hãy nhớ lại và kể tên số văn bản nghị luận văn học mà em đã học, đã đọc. |  | | 2. Em hiểu thế nào là văn bản nghị luận?Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng? |  | | 3. Văn bản nghị luận muốn thuyết phục cần có đặc điểm gì? |  | | 4. SGK đã lưu ý em điều gì trước khi đọc văn bản nghị luận? |  |   - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Kiến thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  ***Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi:***  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 GV ghi bảng.  GV chuyển dẫn vào bài.  Để hiểu rõ hơn về “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”, hôm nay, chúng ta đọc hiểu văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”. Khi đọc, các em chú ý xem tại sao văn bản này được coi là nghị luận văn học. | **I.Kiến thức Ngữ văn:**  **1.Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:**  **- Luận đề:** là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. (là “chiều sâu” (giá trị tiềm ẩn về tư tưởng và nghệ thuật) của tác phẩm đã nêu.)  **- Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận.  **- Lí lẽ** là những lẽ phải được lấy làm căn cứ để giải thích, làm rõ cho luận điểm. Để có sức thuyết phục, lí lẽ cân chặt chẽ, xác đáng.  **-Bằng chứng** là những ví dụ cụ thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học (các hình ảnh, chi tiết, câu văn, câu thơ,... trong tác phẩm) được đưa ra nhằm chứng minh, củng cố cho lí lẽ. Để có sức thuyết phục, bằng chứng cần phù hợp, tiêu biểu.  **2.Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:**  **Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng** là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.   * **Luân điểm** gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lí để giúp cho luận đề của văn bản được sáng rõ, thuyết phục. Có thể hình dung mối liên hệ này qua sơ đồ sau:   A picture containing text, screenshot, font, receipt  Description automatically generated  **3. Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận**  + Vấn đề chính mà văn bản đưa ra để bàn bạc, trao đổi là gì (xác định luận đề)?  + Có những luận điểm nào được sử dụng trong văn bản?  + Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng góp phần làm sáng rõ cho luận đề như thê nào?  + Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào? |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (Thời gian: 90 pút )**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **a. Mục tiêu:** **Giúp HS đ**ọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Hoạt động của thày và trò** | | **Sản phẩm** |
| **Nội dung 1: Đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  + GV hướng dẫn cách đọc  +Gv gọi HS đọc trước lớp, các bạn còn lại lắng nghe và đánh giá bài đọc của bạn  - GV giải thích một số từ khó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  - Hs hoàn thành PHT số 1 để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm (làm ở nhà)  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn** tìm hiểu về tác giả Lê Trí Viễn: Qua tìm hiểu bài ở nhà, hãy giới thiệu những thông tin về tác giả Lê Trí Viễn.  **-Nhiệm vụ 2: GV tiếp tục tổ chức hoạt động nhóm đôi** giúp HS tìm hiểu kiến thức về tác phẩm.  + Văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya* ”.  thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  + Văn bản gồm 3 phần. Nêu nội dung của từng phần?   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1** | | | 1. Thể loại: |  | | 2. Dấu hiệu nhận biết thể loại: |  | | 3. PTBĐ chính: |  | | 4. Bố cục: | | | Phần 1 |  | | Phần 2 |  | | Phần 3 |  | | Phần 4 |  | | Phần 5 |  |   + Thời gian: 3 phút  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  1/ Tác giả: Lê Trí Viễn (1919-2012), quê ở Quảng Nam   * Là [giáo sư](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_s%C6%B0), [nhà giáo nhân dân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_gi%C3%A1o_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n), đồng thời cũng là một nhà nghiên cứu đi tiên phong trong việc vận dụng quan điểm [Mác-xít](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a_Marx) trong nghiên cứu và đã đóng góp cho lĩnh vực [văn học](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc) [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) hơn 40 công trình [khoa học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Khoa_h%E1%BB%8Dc) giá trị. * Ông là hiệu trưởng sáng lập [Trường Trung học cơ sở – Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_Trung_h%E1%BB%8Dc_c%C6%A1_s%E1%BB%9F_-_Trung_h%E1%BB%8Dc_ph%E1%BB%95_th%C3%B4ng_Nguy%E1%BB%85n_Khuy%E1%BA%BFn,_Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh), một ngôi trường nổi tiếng ở Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ đậu Đại học cao và lượng thủ khoa, á khoa các trường Đại học nhiều nhất nước.[[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Tr%C3%AD_Vi%E1%BB%85n#cite_note-tm1-1)[[2]](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Tr%C3%AD_Vi%E1%BB%85n#cite_note-tn-2) Ông đã được nhà nước tặng [giải thưởng Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_th%C6%B0%E1%BB%9Fng_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) năm 2012.   -Một số tác phẩm tiêu biểu:  *+Việt Nam Văn học sử - Thời đại Lê mạt – Nguyễn sơ*. Nhà xuất bản Tinh Tiến, Liên khu V.  **+** [*Thánh Gióng*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1nh_Gi%C3%B3ng)*.* Nhà xuất bản Giáo dục.  + Bình thơ xuân – 1986  + Tìm hương trong văn Hồ Chí Minh – 1986,… | | **I.Tìm hiểu chung**  **1. Đọc, và tìm hiểu chú thích**  **2.Tác giả, tác phẩm**  **a.Tác giả**  Lê Trí Viễn (1919-2012), quê ở Quảng Nam   * Là [giáo sư](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_s%C6%B0), [nhà giáo nhân dân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_gi%C3%A1o_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n), đồng thời cũng là một nhà nghiên cứu đi tiên phong trong việc vận dụng quan điểm [Mác-xít](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a_Marx) trong nghiên cứu và đã đóng góp cho lĩnh vực [văn học](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc) [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) hơn 40 công trình [khoa học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Khoa_h%E1%BB%8Dc) giá trị. Ông là hiệu trưởng sáng lập Trường Trung học cơ sở – Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, một ngôi trường nổi tiếng ở Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ đậu Đại học cao và lượng thủ khoa, á khoa các trường Đại học nhiều nhất nước.Ông đã được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2012. Ông đã được nhà nước tặng [giải thưởng Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_th%C6%B0%E1%BB%9Fng_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) năm 2012.   -**Một số tác phẩm tiêu biểu:**  *+Việt Nam Văn học sử - Thời đại Lê mạt – Nguyễn sơ*. Nhà xuất bản Tinh Tiến, Liên khu V.  **+** [*Thánh Gióng*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1nh_Gi%C3%B3ng)*.* Nhà xuất bản Giáo dục.  + Bình thơ xuân – 1986  + Tìm hương trong văn Hồ Chí Minh – 1986,…  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Theo *Đến với thơ hay,* NXB Giáo dục. 1997  - Thể loại: Nghị luận văn học  -PTBĐ chính: nghị luận  -Bố cục: gồm 5 phần  Phần 1: Giới thiệu bài thơ *Cảnh khuya*.  Phần 2: Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ *Cảnh khuya*.  Phần 3: Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ *Cảnh khuya*.  Phần 4: Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ *Cảnh khuya.*  Phần 5: Sự cân bằng trong bài thơ *Cảnh khuya.* |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | | |
| 1. **Mục tiêu:**   - GV hướng dẫn HS đọc và nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học;  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”.  - HS nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  - Quan điểm của tác giả Lê Trí Viễn thể hiện qua văn bản.  **b. Nội dung:** Hướng dẫn học sinh khám phá, phát hiện những dấu hiệu đặc trưng của một văn bản nghị luận văn học thông qua văn bản cụ thể bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  - Phương pháp:nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận nhóm, kĩ thuật tia chóp, khăn trải bàn,…  - GV nêu ý kiến, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần).  - HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm, điền vào phiếu học tập.  - GV hướng dẫn HS đọc SGK, nêu ý kiến, giải thích  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, phiếu học tập, sản phẩm của nhóm  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Hoạt động của thày và trò** | | **Sản phẩm** |
| **Nội dung 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về luận đề của văn bản.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận nhóm đôi  Thời gian 5 phút  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  1.Văn bản V*ẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” bàn* về vấn đề gì? Dựa vào đâu để em có thể nhận ra nhanh nhất điều này?  2. Bài thơ *Cảnh khuya* được tác giả Lê Trí Viễn phân tích theo trình tự nào? Nêu tác dụng của việc phân tích theo trình tự đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  \***Dự kiến sản phẩm:**  1 - Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” bàn về vẻ đẹp nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya.*   * Em dựa vào nhan đề và phần 1 của của văn bản để nhận ra nhanh nhất điều này.   2 - Bài thơ *Cảnh khuya* được tác giả Lê Trí Viễn phân tích theo trình tự các câu thơ trong bài thơ *Cảnh khuya*.  -Tác dụng: Việc phân tích theo trình tự các câu thơ trong bài thơ giúp bài phân tích có chiều sâu và phân tích được mạch cảm xúc mà tác giả bài thơ muốn thể hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá.  **Nội dung 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu về mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV áp dụng KỸ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN**  **PHIẾU HỌC TẬP 2**  - Yêu cầu Hs đọc kỹ các phần của văn bản. Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 2, giao nhiệm vụ:  **Gói câu hỏi**  ? Xác định nội dung chính của mỗi phần. Tính lô gích giữa các phần được thể hiện như thế nào?  ? Chỉ ra một ví dụ thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa nội dung chính của một phần với lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong phần ấy.  ? Nêu một điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo nhóm, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  \***Dự kiến sản phẩm:**  **a. Nội dung chính của mỗi phần:**  Phần 1: Giới thiệu bài thơ Cảnh khuya.  Phần 2: Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ Cảnh khuya.  Phần 3: Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ Cảnh khuya.  Phần 4: Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ Cảnh khuya.  Phần 5: Sự cân bằng trong bài thơ Cảnh khuya.  **Tính lô gích giữa các phần được thể hiện ở:**  Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí (phân tích bài thơ theo trình tự các câu thơ) giúp người đọc dễ theo dõi, cảm nhận. Luận đề của văn bản được làm sáng tỏ, thuyết phục.  Các lí lẽ giải thích, làm rõ luận điểm, tăng sức thuyết phục, cho bài viết.  **b. Ví dụ:** Phần 2 có nội dung chính là phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ *Cảnh khuya*. Trong phần này, tác giả tập trung phân tích vẻ đẹp của cảnh vật, thiên nhiên trong câu thơ thứ nhất của bài *Cảnh khuya*.  **Lí lẽ:**  Câu thơ vang lên hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát.  Tiếng suối rất trong ấy văng vẳng mơ hồ như một tiếng hát từ xa vọng lại.  Dù sao đó vẫn là một hồi âm, một tưởng tượng mĩ lễ xứng đáng với một tâm hồn đẹp và một cảnh khuya tao nhã.  **Dẫn chứng:**  Tác giả so sánh tiếng suối trong bài thơ Cảnh khuya với tiếng suối trong các bài thơ khác như tiếng suối trong bài Côn Sơn của Nguyễn Trãi, tiếng suối trong thơ của Bạch Cư Dị.  c. Điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản là: Tác giả trân trọng, khâm phục trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya* của Bác.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | | **1.Luận đề (Vấn đề nghị luận):**  **-Luận đề:** Bàn về vẻ đẹp nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya*.  **2. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản:**  **- Các luận điểm:** Bài viết có 5 luận điểm  + Giới thiệu bài thơ Cảnh khuya.  + Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ Cảnh khuya.  + Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ Cảnh khuya.  + Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ Cảnh khuya.  + Sự cân bằng trong bài thơ Cảnh khuya.  -**Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản:**  Luận điểm của phần này gắn bó mật thiết với luận đề, giúp làm sáng tỏ luận đề của văn bản.  + Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí (phân tích bài thơ theo trình tự các câu thơ) giúp người đọc dễ theo dõi, cảm nhận. Luận đề của văn bản được làm sáng tỏ, thuyết phục.  + Các lí lẽ giải thích, làm rõ luận điểm, tăng sức thuyết phục, cho bài viết.   * **Điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản:**   Tác giả trân trọng, khâm phục trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya* của Bác. |
| **III. Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Hs nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học). Và khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”.  **b) Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  \* Phương pháp:Vấn đáp, TL nhóm.  **c) Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **Nội dung 3: III. Tổng kết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận trong bàn trong 10 phút:**  1. Hãy dẫn ra một đoạn văn cho thấy tác giả đã phân tích các yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật nội dung của bài thơ?  2. Một trong những cách bình luận thơ là so sánh sự thể hiện của tác giả này với tác giả khác về cùng một vấn đề. Em hãy nêu nhận xét về tác dụng của cách bình luận đó trong phần 2 văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya".  3. Qua VB, em hãy chỉ ra sức hấp dẫn trong cách lập luận của tác giả bài viết?  4. Chỉ ra những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản nghị luận văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và thảo luận và ghi ra giấy.  GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **\*Dự kiến sản phẩm**  **1.** Đoạn văn cho thấy tác giả đã phân tích các yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật nội dung của bài thơ:  *"Cho nên hạ một câu: “Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà” đâu phải mọi người đều nói được. Trong khi Bác nói một cách rất tự nhiên. Cái nhẹ nhàng, hồn nhiên và giản dị ấy ai ngờ lại hiện ngay trong cách ghép của tổ hợp từ này. Ta thường nghe nói nỗi nhớ, nỗi nhà, nỗi mình, còn nỗi nước nhà thì chưa thấy đâu nói. Bởi nó tiêu biểu, nó tập hợp ở đỉnh cao nhất mọi tình cảm và mọi nghĩ suy và điều đó chỉ có Bác Hồ nói là thích hợp nhất; nhẹ nhàng, hồn nhiên nhất. Kể cả cái lo không giấu giếm gì ấy cũng chẳng làm vẩn bợn được ánh trăng sáng và tiếng suối trong ở trên. Bởi vì nó không làm xáo trộn được tâm hồn con người vĩ đại mặc dù niềm lo cho nước nhà ở năm 1947 là vô cùng to lớn, nặng nề. [...]"*  -Tác giả đã tập phân tích nghệ thuật dùng từ "nỗi nước nhà" để làm nổi bất lên nội dung của bài thơ.  **2.** Bằng việc so sánh tiếng suối trong bài thơ Cảnh khuya của Bác với tiếng suối trong bài thơ của Bạch Cư Dị, Thế Lữ và tiếng suối trong thơ của Nguyễn Trãi, tác giả đã làm nổi bật lên cái hay, cái đẹp của tiếng suối trong thơ của Bác. Nếu tiếng suối trong thơ của Bạch Cư Dị và Nguyễn Trãi nghe nhưng tiếng đàn, tiếng suối trong thơ Thế Lữ trong như nước ngọc tuyền thì tiếng suối trong thơ Bác lại là một tiếng hát, một tiếng hát trong trẻo, một tiếng hát như một hồi âm vọng về gợi lại trong kí ức. Tiếng suối của Bác thể hiện một tâm hồn đẹp của người thi sĩ.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí  - Lập luận chặt chẽ, sắc bén; thuyết phục, xác thực và được trình bày theo một trình tự hợp lí.  - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu,…  **2. Nội dung:**  Văn bản bàn về cái đẹp, cái hay ẩn sâu bên trong và dụng ý của Bác trong mỗi câu thơ trong bài thơ Cảnh khuya.  **3. Kĩ năng đọc văn bản nghị luận:**  - Xác định luận đề của văn bản.  - Xác định các luận điểm và chỉ ra mối quan hệ của hệ thống luận điểm với luận đề.  - Chỉ ra các lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng trong việc làm rõ luận điểm.  - Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án đúng của bài tập, sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**\*Nhiệm vụ 1:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập:

? Trước và sau khi học văn bản nghị luận này, cảm nhận của em về bài thơ Cảnh khuya có gì khác nhau? Chỉ ra nguyên nhân tạo nên sự khác biệt ấy. Qua đó, em rút ra những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

* HS suy nghĩ, làm việc cá nhân trong 03 phút.

**\*Gợi ý:** Trước và sau khi học văn bản nghị luận này, em cảm thấy có sự khác biệt rất lớn trong em về cách cảm nhận bài thơ này. Qua văn bản, em cảm nhận sâu hơn cái hay của bài thơ, rõ nét hơn dụng ý của Bác trong mỗi câu thơ, cái tài của Bác trong nghệ thuật dùng từ. Bài phân tích của tác giả Lê Trí Viên xoáy sâu và nội dung vào từng từ ngữ, kết hợp với sự tưởng tượng của mình, ông đã tái hiện được hết vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên cảnh khuya, những cái hay ẩn sâu trong bài thơ Cảnh khuya.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá

**\*Nhiệm vụ 2**: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

- HS làm việc cá nhân: Hoàn thành sơ đồ tư duy về văn bản theo mẫu sau:

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi các HS nhận xét sơ đồ tư duy của các HS trên bảng.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**\* Phương pháp:** Hoạt động cá nhân

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Tìm đọc tham khảo các bài viết nghị luận về bài thơ “Cảnh khuya” của các tác giả khác. Em rút ra nhận xét gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân và thực hiện ở nhà

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi một số HS nêu suy nghĩ, việc làm.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Hướng dẫn học ở nhà**

- Tìm hiểu đọc hiểu văn bản “Chiều sâu của truyện *Lão Hạc*” của tác giả Văn Giá, sgk/ trang 86-89.

- Chuẩn bị các câu hỏi phần chuẩn bị đọc hiểu văn bản, câu hỏi giữa bài và câu hỏi cuối bài.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  28/3/2024 | Dạy | Ngày | 9/4/2024 | 9/4/2024 |
| Tiết | 1,2 | 3,4 |
| Lớp | 8A | 8B |

**Bài 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**TIẾT 117-118:**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN : CHIỀU SÂU CỦA TRUYỆN “LÃO HẠC”**

**- Văn Giá -**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Tri thức về văn bản nghị luận (Nghị luận văn học): ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố này.

- Mối quan hệ giữa nhan đề với nội dung của văn bản.

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Văn Giá thể hiện qua văn bản.

**2. Về năng lực**

- Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ…

- Nhận biết được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học qua các văn bản đọc hiểu trong SGK.

- Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện.

**3. Về phẩm chất**

- Nhân ái: biết quan tâm, chia sẻ yêu thương mọi người xung quanh.

- Yêu nước: trân trọng tự hào về kho tàng văn học của cha ông để lại.

- Trung thực: trong học tập, trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô và gia đình,…

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu**

- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

**b) Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV : dẫn dắt sang giới thiệu bài học: Chúng ta sẽ đọc hiểu văn bản *Chiều sâu của truyện “Lão Hạc”* để làm sáng tỏ các đặc điểm của văn bản nghị luận

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. ĐỌC ,TÌM HIỂU CHUNG** | | | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  **-** Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn  **Nội dung**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chú ý quan sát các ô chỉ dẫn bên phải để dễ dàng hiểu nội dung văn bản hơn  - Nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,… khó, cần chú ý và giải thích.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - **HS**:  + Đọc văn bản  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Nhận xét cách đọc của và định hướng cách đọc phù hợp cho HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.  **Nội dung 2: Tìm hiểu chung**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - **GV** yêu cầu HS: Trình bày những thông tin chính về tác giả Văn Giá?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - **GV gợi ý:** Tra cứu trên Google  **- HS**: xem lại thông tin  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV:** Mời HS trình bày sản phẩm  **- HS:**  Đại diện trình bày thông tin về nhà văn  Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.  **GV bổ sung: chiếu trên máy chiếu**  -> ***Chuyển dẫn***: GV tập trung vào phong cách sáng tác để bình, kết nối sang phần 2  - Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 1, giao nhiệm vụ:  ? Văn bản *Chiều sâu của truyện “Lão Hạc”* thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  ? Văn bản gồm mấy phần. Nêu nội dung của từng phần?   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1** | | | 1. Xuất xứ |  | | 2. Thể loại |  | | 3. Bố cục: |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | | | | **1.Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a.Tác giả**   * Tên thật: Ngô Văn Giá * Sinh ngày: 07-05-1959 * Quê: Tân Yên- Bắc Giang * Là nhà lý luận, phê bình văn học.     **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: *“ Nhà văn và tác phẩm trong trường phổ thông”,* NXB Giáo dục, 1997  - Thể loại: Nghị luận văn học.  - Bố cục: 4 phần  + Phần 1: từ đầu đến “…những hệ luỵ của chúng”-> Giới thiệu về Nam Cao và chiều sâu tác phẩm Lão Hạc  + Phần 2: Tiếp theo đến “…các điểm nhìn khác”->Ý kiến 1 về tác phẩm Lão Hạc.  + Phần 3: Tiếp theo đến “…từ điểm then chốt này”-> Ý kiến 2 về tác phẩm Lão Hạc.  + Phần 4: Còn lại-> Khái quát lại văn bản. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | | | |
| **a) Mục tiêu:**  + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung và các đặc điểm nghệ thuật của văn bản từ đó thấy được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  **b) Nội dung*:***Hướng dẫn học sinh khám phá, phát hiện những dấu hiệu đặc trưng của một văn bản nghị luận văn học thông qua văn bản cụ thể bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  **c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của thày và trò** | | **Sản phẩm** | |
| **1.Luận đề, luận điểm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu Hs hoạt động theo cặp đôi cùng bàn.  - Dựa vào nhan đề và bố cục của văn bản, hãy chỉ ra vấn đề nghị luận và các luận điểm triển khai trong văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - **Hs:** Trao đổi thảo luận theo bàn, ghi kết quả ra phiếu.  - **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần) trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV**:  +Yêu cầu đại diện hs lên trình bày.  + Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).   * **HS:**   + Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  + Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục mới. | | **1.Luận đề:**  - Luận đề: Giá trị sâu sắc về tư tưởng và nghệ thuật tiềm ẩn trong tác phẩm “Lão Hạc”.  - Luận điểm:  + Luận điểm 1: Nhà văn đã đưa hoạt động giao tiếp (câu chuyện giữa ông giáo và lão Hạc qua hai lần gặp gỡ) trở thành đối tượng nhận thức và mô tả trực tiếp tính cách nhân vật.  + Luận điểm 2: Thông qua nội dung các cuộc trò chuyện ấy, tác giả đã gián tiếp thể hiện một tình thế lựa chọn của lão Hạc (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ luỵ của chúng). | |
| **Nội dung 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu Hs đọc kỹ phần 2,3. Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 2, giao nhiệm vụ:  - Luận điểm phần này có mối quan hệ như thế nào với vần đề nghị luận( luận đề)?  - Xác định lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ luận điểm 1?  - Nhận xét về cách trích dẫn và phân tích bằng chứng của người viết ở luận điểm 1?  - Luận điểm 2 được trình bày trong phần 3 góp phần làm sáng tỏ luận đề như thế nào?  - Nhận xét về cách lập luận sử dụng trong luận điểm 2?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 2** | | | |  | Lí lẽ | Bằng chứng | | Luận điểm 1 |  |  | | Luận điểm 2 |  |  |     **Nội dung 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu Hs đọc kỹ phần 4.  - Phần 4 khái quát điều gì?  - Vấn đề nghị luận được khẳng định như thế nào?  - Trình tự phân tích truyện ngắn Lão Hạc trong văn bản này có giống với trình tự phân tích bài thơ Cảnh khuya trong văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” không? Hãy nêu một số biểu hiện cụ thể  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs đọc lại phần 4 chú ý vào các ô bên phải chỉ dẫn, định hướng nội dung  - Hs Hoạt động theo cặp đôi để phát hiện những bằng chứng, lí lẽ mà tác giả nêu ra.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**   * **Hs:** bổ sung ý kiến * **Gv** nhận xét, chốt kiến thức: Văn bản đã thể hiện rõ tình cảm trân trọng, mến phục của người viết đối với tài năng nghệ thuật của Nam Cao. | | **2. Mối quan hệ giữa luận điểm với luận đề trong văn bản.**  - Luận điểm của phần này gắn bó mật thiết với luận đề, giúp làm sáng tỏ luận đề của văn bản.  **2.1 Luận điểm 1**  - Lí lẽ và bằng chứng   |  |  | | --- | --- | | Lí lẽ | Bằng chứng | | Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện | Nêu ra số lần ông giáo và lão Hạc trò chuyện. Ông giáo là người kể chuyện. | | Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải tỏa sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này. | Phân tích cuộc trò chuyện giữa các nhân vật. | | Cái nhìn từ tấm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác. | Phân tích sự thay đổi mạch kể chuyện. |   **=>** *Người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm chính trong văn bản rất thuyết phục, xác thực và trình bày theo trình tự rất hợp lí. Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng ngay sau luận điểm chính mà nhờ đó vấn đề nghị luận được làm sáng rõ hơn.*  **2.2. Luận điểm 2.**  **-** Luận điểm được trình bày trong phần 3 đã đi sâu phân tích hoạt động giao tiếp của các nhân vật, về tình thế lựa chọn của lão Hạc trong truyện (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ luỵ của chúng).  *- Cách lập luận: Chặt chẽ giúp làm rõ hơn giá trị tư tưởng trong tác phẩm “Lão Hạc”.*  **3. Khái quát vấn đề nghị luận**  - Vấn đề nghị luận được khẳng định: Truyện Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tứ, dựng truyện và triển khai mạch truyện.  - Trình tự phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* trong văn bản này giống với trình tự phân tích bài thơ *Cảnh khuya* trong văn bản Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*.  - “Truyện *Lão Hạc* thật tự nhiên, dung dị, hấp dẫn và mênh mông buồn. Tài nghệ và tấm lòng của nhà văn Nam Cao một lần nữa, ở đây, lại được kí thác hết mình.” | |
| **III. Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Hs nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học)  **b) Nội dung:** *Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để củng cố khắc sâu kiến thức về bài nghị luận văn học  **c) Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi  - Trình bày khái quát nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.  - Hãy nêu những kĩ năng đọc kiểu văn bản nghị luận văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  -Học sinh trình bày cá nhân:  + Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó  + Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấ đề văn học  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Nghệ thuật:**  **-** Các bằng chứng đa dạng, cụ thể, sinh động, phong phú.  - Hệ thống lí lẽ, ý kiến rất thuyết phục, xác thực và được trình bày theo một trình tự hợp lí.  **2. Nội dung**  - Tinh thần nhân vật, nhân đạo cao cả của tác phẩm Lão Hạc.  **3. Kĩ năng đọc văn bản nghị luận.**  - Nêu luận đề của văn bản.  - Xác định các luận điểm và chỉ ra mối quan hệ của hệ thống luận điểm với luận đề.  - Chỉ ra các lí lẽ, dẫn chứng (bằng chứng) và mối quan hệ của chúng trong việc làm rõ luận điểm. | | |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn cho Hs làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Viết một đoạn văn (khoảng 10 dòng) thể hiện cảm nghĩ của em về nhà văn Nam Cao.

- Học sinh tiếp nhận, hiểu rõ yêu cầu của nhiệm vụ học tập

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**HS**:

* Suy nghĩ cá nhân và viết bài.

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**HS**: Trao đổi nhóm đôi -> Trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

\* **Hướng dẫn tự học:**

**-** Tiếp tục ôn tập và tìm hiểu về kiểu bài nghị luận văn học

- Tìm đọc đầy đủ truyện ngắn “Lão Hạc”của Nam Cao.

- Chuẩn bị trước bài “Thực hành Tiếng việt”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  28/3/2024 | Dạy | Ngày | 11/4/2024 | 11/4/2024 |
| Tiết | 1,2 | 4,5 |
| Lớp | 8B | 8A |

**BÀI 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**TIẾT 119-120: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THÀNH PHẦN BIỆT LẬP TRONG CÂU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán, thành phần phụ chú, thành phần gọi đáp

- Công dụng của các thành phần trong câu.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung** : giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự học.

**b. NL chuyên biệt:** giao tiếp, sd ngôn ngữ, tạo lập VB.

3**. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: - Máy chiếu, máy tính, Phiếu học tập.

**2. Học sinh:** Đọc và tìm hiểu bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  *a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về các thành phần biệt lập trong câu kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.  *b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh xác định các các thành phần biệt lập trong câu và nêu vai trò của từng thành phần câu.  *c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1.** GV đưa yêu cầu:  Hãy xem video và cho biết: Các nhân vật nói với chúng ta về những cảm xúc gì? Cảm xúc đó được thể hiện bằng những từ ngữ nào?  **Bước 2**  + HS xem video, suy nghĩ, làm việc cá nhân.  **Bước 3**  + HS trình bày.  + HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học  *Trong cuộc sống, mỗi người đều có những cảm xúc trước một tình huống nào đó. Cảm xúc ấy được thể hiện qua nhiều các hành động, ngôn từ: a, ô, ôi chao, ơ kìa, trời ơi...*  *Vậy, những từ đó khi dùng trong câu là để bộc lộ cảm xúc, được gọi là thành phần cảm thán. Nó chính là một trong những thành phần biệt lập trong câu - là nội dung của bài học hôm nay. Sau đây, chúng ta cùng tìm hiểu về “Thành phần biệt lập” nhé!* | - HS xác định: Vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên… |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  *a. Mục tiêu:*  *-* Hiểu, nhận biết được các thành phần biệt lập trong câu.  - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về các thành phần biệt lập trong câu vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng sơ đồ tư duy.  *c. Sản phẩm:* Sơ đồ tư duy của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao**  ***? Xác định các từ in đậm trong các câu sau có tác dụng gì? được gọi là thành phần nào trong câu?***  ***? Từ phân tích ví dụ rút ra khái niệm và phân loại?***  **a)** Với lòng mong nhớ của anh**, chắc** anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.  b) **Trời ơi**! Chỉ còn có 5 phút!  c) Hoàng **ơi**! Ra công viên chơi đi?  - **Ừ**! Chờ tớ 1 tí nhé!  d) Lão không hiểu tôi, **tôi nghĩ vậy**, và tôi càng buồn lắm.  e) Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo: “Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng”. **Điều đó cũng dễ hiểu thôi…**  **Bước 2:**  - HS trao đổi, thảo luận trong bàn  - Cử đại diện báo cáo kết quả.  **Bước 3:**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  Dự kiến sản phẩm  a) “Chắc”: thể hiện độ tin cậy: Tình thái  b) “Trời ơi!”: Bộc lộ cảm xúc tiếc nuối: cảm thán.  c) “Ơi, ừ” gọi đáp  d) “Tôi nghĩ vậy”: giải thích: tp phụ chú  e)“Điều đó cũng dễ hiểu thôi…” chuyển tiếp ý trước đó: tp chuyển tiếp  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  GV phân tích lại ví dụ  Những từ in đậm trong các ví dụ trên được gọi là thành phần biệt lập  ***Dự kiến SP:***  Có 5 thành phần biệt lập trong câu:  - TP gọi đáp  - TP cảm thán  - Tp tình thái  - TP chuyển tiếp  - TP phụ chú  Hiểu được cách dùng, công dụng của các TPBL.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nội dung 3: Bài tập nhanh**  **Bước 1: Chuyển giao**  GV: Yêu càu học sinh đặt 3 câu có sử dụng thành phàn biệt lập  **\* Bước 2: Thực hiện, báo cáo**  - 2 học sinh đặt câu taị bảng  - Học sinh dưới lớp đặt câu vào vở  - GV gợi ý, giúp đỡ  Bước 3: Nhận xét  GV hướng dẫn hs sửa chữa, nhận xét  GV đánh giá, chấm điểm | | **I. Tri thức Tiếng Việt**  **1.Ví dụ:**  **a)** Với lòng mong nhớ của anh**, chắc** anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.  b) **Trời ơi**! Chỉ còn có 5 phút!  c) Hoàng **ơi**! Ra công viên chơi đi?  - **Ừ**! Chờ tớ 1 tí nhé!  d) Lão không hiểu tôi, **tôi nghĩ vậy**, và tôi càng buồn lắm.  e) Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo: “Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng”. **Điều đó cũng dễ hiểu thôi**  **2. Nhận xét**  a) “Chắc”: thể hiện độ tin cậy: Tình thái  b) “Trời ơi!”: Bộc lộ cảm xúc tiếc nuối: cảm thán.  c) “Ơi, ừ” gọi đáp  d) “Tôi nghĩ vậy”: giải thích: tp phụ chú  e)“Điều đó cũng dễ hiểu thôi…” chuyển tiếp ý trước đó: tp chuyển tiếp  **3. Kết luận**  **-** Thành phần biệt lập là những thành phần nằm ngoài cấu trúc cú pháp chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ... của câu và không tham gia vào việc diễn đạt sự việc trong câu.  - Có 5 thành phần biệt lập:  - TP gọi đáp  - TP cảm thán  - Tp tình thái  - TP chuyển tiếp  - TP phụ chú | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  *a. Mục tiêu:*  - HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về các thành phần biệt lập trong câu.  *b. Nội dung:* Học sinh làm tập SGK phần Thực hành tiếng Việt  *c. Sản phẩm:* Phần bài tập hs đã làm*.*  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1, áp dụng KT Think – Pair – Share.**  **Bước 1:**  **1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1(SGK), phát phiếu bài tập, HS hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu trong 2 phút, sau đó đổi bài theo cặp đôi và chấm chéo.**  **Câu 1.** Tìm thành phần gọi - đáp, thành phần cảm thán trong các câu dưới đây. Nêu ý nghĩa của mỗi thành phần đó.  a. Ơ, bác vẽ cháu đấy ư? (Nguyễn Thành Long)  b. Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. (Ngô Tất Tố)  c. Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đấy ạ. (Kim Lân)  d. Trời ơi, chỉ còn có năm phút! (Nguyễn Thành Long)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **TPBL** | **Từ ngữ thể hiện?** | **Công dụng** | | **a** |  |  |  | | **b** |  |  |  | | **c** |  |  |  | | **d** |  |  |  |   **Bước 2:**  - Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo  **Bước 3:**  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - HS khác nhận xét và bổ sung.  **Bước 4:**  - GV đánh giá, nhận xét  - GV chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập 2, 3**  **Bước 1:**  **GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, yêu cầu các nhóm hoàn thành BT 2, 3, sau đó trao đổi, đánh giá, nhận xét và thống nhất đáp án đúng cho mỗi câu.**  **Vòng 1: Đào tạo chuyên gia (các nhóm đánh số 1,2 cho các thành viên trong nhóm)**  - Nhóm 1,2: làm BT 2  - Nhóm 3,4: làm BT 3  **Vòng 2: Lập nhóm mới**  - Số 2 của nhóm 1 kết hợp số 1 của nhóm 3  - Số 2 của nhóm 2 kết hợp với số 1 của nhóm 4  **Bài 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ ngữ thể hiện** | **Dấu hiệu hình thức** | **Công dụng** | | **a** |  |  |  | | **b** |  |  |  | | **c** |  |  |  |   **Bài 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **TPBL nào?** | **Dấu hiệu hình thức Từ ngữ thể hiện?** | **Công dụng** | | **a** |  |  |  | | **b** |  |  |  | | **c** |  |  |  | | **d** |  |  |  | | **e** |  |  |  |   **Bước 2:**  - HS trao đổi, thảo luận.  - Đào tạo chuyên gia.  **Bước 3:**  - Lập nhóm mới.  - Trao đổi, thống nhất đáp án.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV đánh giá, nhận xét  - GV chốt kiến thức: | **II. Thực hành:**  ***Bài tập 1***  a. Thành phần cảm thán: **ơ**: bộc lộ cảm xúc của người nói.  b. Thành phần gọi - đáp: **Này**: duy trì quan hệ giao tiếp.  c. Thành phần gọi - đáp: **Thưa ông**: duy trì quan hệ giao tiếp.  d. Thành phần cảm thán: **Trời ơi**: bộc lộ cảm xúc của người nói.  ***Bài tập 2***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Tp phụ chú** | **Dấu hiệu hình thức** | **Công dụng** | | **a** | tiếng suối | trước nó có dấu "-" | giải thích | | **b** | tiếng suối và tiếng hát | dấu hai chấm | giải thích | | **c** | hai yếu tố này đã bị thiểu giảm tới mức tối đa | được đánh dấu bằng dấu ngoặc đơn | giải thích |   **Bài tập 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **TPBL** | **Từ ngữ thể hiện** | **Công dụng** | | **a** | Tình thái: | May ra, có lẽ | Đánh giá | | **b** | Chuyển tiếp: | Trước hết, thứ đến | Chuyển tiếp ý | | **c** | Tình thái: | Hình như | Đánh giá | | **d** | Tình thái: | Chắc | Đánh giá | | **e** | Chuyển tiếp: | Nói cách khác | Chuyển tiếp ý | | | |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  *a. Mục tiêu:*  - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.  - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung  bài học.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập mở rộng.  *c. Sản phẩm:* Phần trình bày của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập mở rộng.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV ra bài tập: Viết đoạn văn ngắn từ 4-6 câu trình bày cảm nhận của em về một văn bản nghị luận đã học, trong đó có sử dụng ít nhất 2 TPBL mà em đã học. Chỉ ra các TPBL có trong đoạn văn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Trình bày kết quả  - HS nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.   * Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | |  |

Đoạn văn tham khảo

Văn bản “*Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”* là một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ “*Tiếng gà trưa”*, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của nhà thơ Xuân Quỳnh. Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc, đã lần lượt phân tích nghệ thuật trong các khổ thơ. Sự ấn tượng của tôi dồn cả vào việc tác giả phân tích khổ thơ cuối. Ở khổ thơ cuối, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi “*Bà ơi”* thật cảm động. Đó là tình cảm chất chứa lâu ngày nay được phát tiết. Việc Xuân Quỳnh để cho từ “*Vì”*ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần đã góp phần biểu hiện ý chí chiến đấu mạnh mẽ của người cháu - chiến sĩ. Đó là vì Tổ quốc, vì nhân dân mà trong đó bao gồm cả những người thân yêu trong gia đình, mà sâu sắc nhất là người bà với biết bao kỉ niệm tuổi thơ êm đẹp.

\*TPBL có trong đoạn:

- Phụ chú: Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc

- Chuyển tiếp: Đó là tình cảm chất chứa

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn tập lại kiến thức về các thành phần biệt lập trong câu

- Hoàn thiện các bài tập vận dụng vào vở.

Chuẩn bị bài THĐH: *Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh.*

- Đọc kĩ văn bản, tìm hiểu thêm những VBNL viết về tp “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư.

- Vận dụng những tri thức đã có sau khi học bài thơ “Nắng mới” (Bài 2 – NV 8, tập 1) để hiểu thêm về nội dung của VBNL này.

- Trả lời các câu hỏi bên cạnh mỗi phần nhỏ và các câu hỏi cuối VB.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  28/3/2024 | Dạy | Ngày | 15/4/2024 | 15/4/2024 |
| Tiết | 1,2 | 3,4 |
| Lớp | 8A | 8B |

**BÀI 9- TIẾT 121-122: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**

**NẮNG MỚI, ÁO ĐỎ VÀ NÉT CƯỜI ĐEN NHÁNH SAU TAY ÁO**

**(Về bài thơ Nắng mới của Lưu Trọng Lư)**

**- LÊ QUANG HƯNG -**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**

- Tri thức về văn bản nghị luận (Nghị luận văn học): ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố này.

- Mối quan hệ giữa nhan đề với nội dung của văn bản.

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả thể hiện qua văn bản.

**2. Năng lực**

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, ...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa, ...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; Kết nối được nội dung của văn bản với những vấn đề có liên quan.

- Góp phần phát triển các NL chung như: tự học, giao tiếp, hợp tác, tự giải quyết vấn đề, tìm kiếm tư liệu.

**3. Phẩm chất**

- Chủ động tìm hiểu, khám phá các giá trị của tác phẩm văn học.

- Trân trọng sáng tạo nghệ thuật và có ý thức giữ gìn những giá trị đó.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- SGK, SGV; tài liệu tham khảo về thể loại văn bản nghị luận văn học, về kĩ năng đọc hiểu và các văn bản nghị luận văn học; phiếu học tập, video ……..

- Máy tính, máy chiếu, máy chiếu vật thể, loa, giấy A4, bút bi nhiều màu,…

**2. Học sinh**

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn về văn bản nghị luận văn học; Kiến thức về các thành phần biệt lập.

- Thực hiện các nội dung trong phần 1. Chuẩn bị/SGK; Đọc và thực hiện các lệnh, các câu hỏi ở phần chỉ dẫn bên phải văn bản;

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

***a. Mục tiêu:*** Tạo không khí học tập, khơi gợi cảm xúc, tình cảm và sự hình dung, tưởng tượng của HS về những hình ảnh trong bài thơ “Nắng mới”.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH trực quan, KT động não để hướng dẫn HS thực hiện độc lập yêu cầu trong HĐ mở đầu.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV nêu yêu cầu: Nghe video ngâm bài thơ ”Nắng mới”, vừa nghe tưởng tượng về những hình ảnh nắng mới, áo đỏ, nét cười đen nhánh xuất hiện trong bài thơ. Sau đó trả lời câu hỏi: *“Nêu suy nghĩ/tình cảm gợi ra cho em sau khi nghe bài thơ?”. (CẮT VIDEO TỪ ĐẦU ĐẾN 2p20)*

-HS nghe video và độc lập thực hiện yêu cầu.

-GV gọi 3-4 HS chia sẻ câu trả lời; HS lắng nghe.

**-** GV nhận xét, đánh giá, động viên, khuyến khích và dẫn dắt sang phần thực hành đọc hiểu văn bản.

*(Ví dụ: Qua lời chia sẻ đã cho thấy những hình dung, tưởng tượng rất phong phú cũng như những cảm xúc, tình cảm dồi dào của các “độc giả nhí” trước vẻ đẹp của bài thơ “Nắng mới. Còn với tác giả Lê Quang Hưng thì bài thơ ấy còn khơi gợi những vẻ đẹp gì? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật nghị luận như thế nào để viết bày tỏ ý kiến, cảm xúc trước bài thơ “Nắng mới”? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu điều đó trong bài thực hành hôm nay!)*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***a. Mục tiêu:***

- Củng cố kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận văn học đã được hình thành qua các bài học chính trước đó. Từ đó rút ra chiến thuật đọc hiểu văn bản nghị luận văn học.

- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận văn học để khám phá nội dung, ý nghĩa và một số yếu tố hình thức đặc trưng thể loại trong văn bản “*Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh*”.

- Yêu thích tìm hiểu, khám phá các tác phẩm thơ. Trân trọng tài năng của các nhà thơ và những bài thơ hay, đặc sắc.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH hợp tác, kĩ thuật mảnh ghép, đàm thoại, đặt câu hỏi để hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động đọc hiểu văn bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Đọc và kiểm tra việc đọc của HS**  - GV yêu cầu HS các nhiệm vụ:  *(1) Chia sẻ quá trình tự đọc văn bản ở nhà (cách đọc diễn cảm, cách khám phá văn bản theo các gợi ý đọc; những từ khó)*  *(2) Khi đọc hiểu văn bản này em đã vận dụng những kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận như thế nào?*  - Hướng dẫn đọc: giọng đọc thiết tha, nhịp nhàng đôi chỗ trầm bổng; chú ý đọc diễn cảm và ngắt nhịp đúng ở những câu thơ được trích dẫn, các từ ngữ được đặt trong dấu ngoặc kép.  - HS: độc lập thực hiện lần lượt các yêu cầu.  - GV: gọi 3-4 HS chia sẻ ý kiến cá nhân.  - GV nhận xét, khen ngợi, định hướng cách đọc diễn cảm; tổ chức cho 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn văn bản;  \* Giải thích từ khó:  - tâm tưởng: suy nghĩ và tình cảm riêng của mỗi người (đồng nghĩa với tâm khảm, tâm trí)  - tài hoa: có tài về nghệ thuật, văn chương.  - đa cảm: dễ cảm xúc, dễ xúc động | | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc và giải thích từ khó** |
| **II. Thực hành đọc hiểu văn bản**  \* Bước 1: GV hướng dẫn HS chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ đọc hiểu theo kĩ thuật mảnh ghép như sau  **- Vòng 1: Nhóm chuyên gia**  + Lớp học sẽ được chia thành 5 nhóm (mỗi nhóm 4 HS). Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ với những nội dung học tập khác nhau. Cụ thể:  ***Nhóm 1:*** *Vấn đề nghị luận mà bài viết này nêu lên là gì? Những yếu tố nào giúp người đọc có thể xác định nhanh vấn đề ấy?*  ***Nhóm 2:*** *Cho biết hệ thống luận điểm của bài viết và xác định những luận điểm chính làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.*  ***Nhóm 3.*** *Chỉ rõ hệ thống lí lẽ, bằng chứng trong một luận điểm để thấy được sự lô-gich của cách lập luận của tác giả.*  ***Nhóm 4:*** *Những nhận xét sau đây nói về cách thức thể hiện của văn bản Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh (Về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư) là đúng hay sai? Vì sao? [...]*  *a) Bố cục văn bản mạch lạc, lô gích, giúp cho người đọc tiện theo dõi.*  *b) Bằng chứng được trích dẫn đầy đủ, phân tích toàn diện cả về nội dung (ngữ nghĩa, thông điệp) và cách thức thể hiện (hình ảnh, từ ngữ, giọng điệu).*  *c) Có so sánh, liên hệ, mở rộng với tác giả khác viết về cùng đề tài để nhấn mạnh giá trị tư tưởng của tác phẩm.*  *d) Sử dụng đa dạng các phép tu từ tạo nên cách diễn đạt độc đáo, giàu tính biểu cảm cho văn bản.*  ***Nhóm 5:*** *So với khi học bài thơ Nắng mới (Bài 2), văn bản nghị luận này giúp em có thêm hiểu biết gì về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ?*  + Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng 5 phút và ghi lại những ý kiến của mình.  + Khi thảo luận nhóm, mỗi thành viên đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2.  **- Vòng 2: Nhóm mảnh ghép**  + Hình thành nhóm mới khoảng từ 5 người, mỗi nhóm đều có thành viên của các nhóm từ 1 đến 5.  + Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.  + Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu, được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết.  \* Bước 2: HS tổ chức nhóm, nhận nhiệm vụ và thực hiện theo hướng dẫn.  \* Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ trình bày và chia sẻ kết quả thảo luận 5 câu hỏi trên.  \* Bước 4: GV tổ chức tự đánh giá và đánh giá sản phẩm các nhóm; Chốt kiến thức và chọn bình mở rộng về nghệ thuật và nội dung của văn bản.  **\* Dự kiến sản phẩm** | | |
| |  |  | | --- | --- | | **THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **“Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh”** | | | **Yêu cầu:** | **Nội dung** | | Câu 1. Vấn đề nghị luận mà bài viết này nêu lên là gì? Những yếu tố nào giúp người đọc có thể xác định nhanh vấn đề ấy?  - Dựa vào nhan đề văn bản và các luận điểm được nêu trong phần (2), (3) của văn bản giúp người đọc xác định nhanh vấn đề nghị luận. | 1/ Vấn đề nghị luận:  Những hình ảnh “nắng mới”, “áo đỏ” và “nét cười đen nhánh” trong bài thơ *Nắng mới* của Lưu Trọng Lư. | | 2. Cho biết hệ thống luận điểm của bài viết và xác định những luận điểm chính làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  3. Chỉ rõ hệ thống lí lẽ, bằng chứng trong một luận điểm để thấy được sự lô-gich của cách lập luận của tác giả. | 2/ Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng  HS có thể chọn một trong ba luận điểm để phân tích hệ thống lí lẽ, dẫn chứng, ví dụ:  - Luận điểm 1:  + Dẫn chứng: *“Mỗi lần nắng mới …. những ngày không”; Các từ láy “xao xác”, “não nùng”, “chập chờn” gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm, một tâm trạng quạnh hiu, xa vắng…*  + Lí lẽ: *Ai từng ở làng quê mới thấy những trưa hè tĩnh lặng, trống vắng đến dường nào. Cái động của tiếng gà trưa xao xác chỉ thêm rõ cái tĩnh, vẻ mung lung mà thôi…*  - Luận điểm 2 (phần 3): Vẻ đẹp và sức gợi của hình ảnh “nét cười đen nhánh” làm sắc nét thêm hình ảnh mẹ - tâm điểm của nỗi nhớ.  + Dẫn chứng: *Chi tiết gây ấn tượng nhất trong Nắng mới là “nét cười đen nhánh” của người mẹ. Không phải “miệng” cười hay “nụ” cười mà là “nét”. Lại “đen nhánh”!...*  + Lí lẽ: *Hình ảnh thơ bỗng sắc, bỗng lấp lánh hơn. …Chính vì thấp thoáng thế mà nó càng đáng nhớ, càng được nhớ lâu, nhớ mãi…*  - Luận điểm 3 (phần 4): Liên hệ, kết nối về chủ đề của bài thơ (nỗi niềm thương nhớ mẹ).  + Dẫn chứng: *Khi xa quê nhà, xa mẹ, tác giả nhớ về: “... chiếc rổ mùi thơm cũ / Như tấm lòng thơm của mẹ tôi”; nhớ bàn tay tảo tần của mẹ: “Lặng lẽ bàn tay lặng lẽ đưa / Đắp từng miếng vá ấm con thơ”.*  + Lí lẽ: *Một đằng nhớ mẹ trong tình cảnh cách xa, một đằng nhớ mẹ nay không còn nữa nhưng đều là người mẹ hiền dịu, tươi tắn tình thương, đều là những người con tình nghĩa đa sầu, đa cảm.* | | 4. Những nhận xét sau đây nói về cách thức thể hiện của văn bản Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh (Về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư) là đúng hay sai? Vì sao? [...]  5. So với khi học bài thơ Nắng mới (Bài 2), văn bản nghị luận này giúp em có thêm hiểu biết gì về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ? | **III/ Tổng kết**  1/ Nghệ thuật  *-* Bố cục văn bản mạch lạc, lô gích, giúp cho người đọc tiện theo dõi: *bố cục rõ 3 phần giới thiệu vấn đề (đoạn 1); Phân tích, chứng minh vấn đề (đoạn 2,3); Bình, liên hệ mở rộng vấn đề (đoạn 4); Khái quát vấn đề (đoạn 5)*  *-* Bằng chứng được trích dẫn đầy đủ, phân tích toàn diện cả về nội dung (ngữ nghĩa, thông điệp) và cách thức thể hiện (hình ảnh, từ ngữ, giọng điệu): *người viết đã trích dẫn từng khổ thơ, sau đó phân tích các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật ...trong các câu thơ và nhận xét, đánh giá và nêu bật nội dung, tư tưởng, cảm xúc của ngườu viết.*  *-* Có so sánh, liên hệ, mở rộng với tác giả khác viết về cùng đề tài để nhấn mạnh giá trị tư tưởng của tác phẩm: *người viết đã liên hệ với bài thơ “Chiếc rổ may” của Tế Hanh để thấy rõ nguồn cảm hứng chung và điểm khác biệt với bài thơ “Nắng mới”*  2/ Nội dung  bài nghị luận giúp em hiểu sâu hơn, rộng hơn về những hình ảnh đặc sắc trong bài thơ. Đồng thời giúp em thấm thía những cảm xúc, tình cảm của tác giả về mẹ và trân trọng hơn một tâm hồn thơ dào dạt xúc cảm… | | | |
| **3. Hoạt động 3,4: Luyện tập và vận dụng**  ***a. Mục tiêu:*** Kết nối với hoạt động viết để rèn kĩ năng nhận xét, cảm nhận về cái hay trong nghệ thuật nghị luận của văn bản; Thực hành đọc mở rộng để hiểu nội dung và nghệ thuật nghị luận trong các văn bản nghị luận về tác phẩm thơ, truyện.  ***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH nêu và giải quyết vấn đề hướng dẫn HS thực hiện các nhiệm vụ.  ***c. Sản phẩm:*** đoạn văn, bài chia sẻ  ***d. Tổ chức thực hiện:***  - GV hướng dẫn HS thực hiện 2 yêu cầu:  *(1)*  *Hãy nêu đoạn văn mà em thích nhất trong bài nghị luận văn học này và trình bày lí do yêu thích thành một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng).*  *(2) Tìm đọc thêm những văn bản ghị luận về các bài thơ, các truyện ngắn đã học của một số tác giả nổi tiếng và chia sẻ với các bạn nội dung/nghệ thuật nghị luận của văn bản đó.*  - HS độc lập thực hiện nhiệm vụ.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ đoạn văn, nội dung của đoạn trích trước lớp; khen ngợi, khuyến khích và định hướng kĩ năng viết đoạn và trình bày miệng cho HS. | | |
| **III. Tổng kết: Rút ra chiến lược đọc hiểu văn bản nghị luận văn học**  - GV tổ chức cho HS thảo luận rút ra chiến lược đọc hiểu văn bản nghị luận văn học theo kĩ thuật Khăn trải bàn.  - HS hình thành nhóm và thực hiện trao đổi thảo luận và thống nhất.  - GV gọi đại diện 1-2 nhóm HS trình bày phần nội dung thống nhất; HS nhóm khác lắng nghe, đối chiếu, bổ sung.  - GV GV tổng hợp ý kiến, nhấn mạnh đặc điểm của văn bản nghị luận văn học định hướng chiến lược đọc hiểu VB nghị luận văn học. | **III. Chiến lược đọc hiểu văn bản** **nghị luận văn học.**  - Đọc kĩ văn bản để xác định vấn đề nghị luận: là tác phẩm văn học nào/phương diện nào của tác phẩm văn học.  - Xác định rõ hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Phân tích mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; Giải thích về vai trò của luận, điểm lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề để thấy được nghệ thuật lập luận của tác giả.  - Phân biệt được lý lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến đánh giá chủ quan của người viết.  - Từ vấn đề gợi ra trong văn bản liên hệ kết nối với bản thân và tiếp nhận tác phẩm văn học ở nhiều góc độ khác nhau. | |

**Hoạt động vận dụng**

*a. Mục tiêu:*

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung

bài học.

*b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài mới

*c. Sản phẩm:* Phần trình bày của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện:*

- Đọc toàn bộ phần dàn bài trong phần thực hành tiết viết bài nghị luận về tác phẩm kịch

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  28/3/2024 | Dạy | Ngày | 18,22/4/2024 | 18,22/4/2024 |
| Tiết | 4,5,1 | 1,2,3 |
| Lớp | 8A | 8B |

**Bài 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**TIẾT 123,124,125 : VIẾT : VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM KỊCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nắm được yêu cầu và cách làm kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch.

- Biết xác định luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm kịch.

**2. Về năng lực**:

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ, tự học, hợp tác, năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin.

- Năng lực riêng: Năng lực cảm thụ thẩm mỹ, năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất**:

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về tác phẩm kịch kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu bài.

*b. Nội dung:* GV nêu câu hỏi gợi dẫn, HS trả lời

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Em đã học các tác phẩm hài kịch nào? Nêu suy nghĩ của em về các tác phẩm đó?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch không phải đơn thuần chỉ là một bài văn nêu cảm nghĩ về tác phẩm mà nó yêu cầu các lý lẽ, lập luận, câu văn phải mạch lạc rõ ràng và sắc bén. HS phải nắm rõ các đặc điểm về thể loại, nghệ thuật cũng như đặc sắc của tác phẩm từ đó có thể thể hiện được góc nhìn cũng như cảm nhận của mình về tác phẩm. Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm kịch.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* Nắm được yêu cầu khi làm văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch

*b. Nội dung:* HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

*c. Sản phẩm:* HS trả lời các yêu cầu khi làm văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động định hướng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi:  1. Kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm hài kịch yêu cầu chúng ta làm gì?  2. Để viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm hài kịch, chúng ta cần làm gì? Người viết có phải kể lại đơn thuần hoặc đưa ra nhận xét chung chung về tác phẩm đó không?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - HS nhớ lại các văn bản hài kịch đã học  - Dựa vào sgk trao đổi cặp đôi và thống nhất nội dung.  GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện học sinh của một vài cặp đôi trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm.  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. | **I. Định hướng**  **1. Yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch**  - Phân tích cả nội dung và nghệ thuật  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng…) trong việc biểu đạt nội dung.  **2. Cách viết kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch**  - Xác định rõ yêu cầu nghị luận  - Đọc lại tác phẩm  - Xác định vấn đề cụ thể của bài viết  - Thực hiện các bước theo quy trình viết bài văn nghị luận  - Lựa chọn, sử dụng bằng chứng trong tác phẩm để lí giải, phân tích  - Tránh kể lại đơn thuần hay nhận xét chung chung, thiếu thuyết phục. |
| **Hoạt động thực hành**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi:  Yêu cầu HS đọc lại đoạn trích “Đổi tên cho xã” và thực hiện các yêu cầu trong sgk:  1. Chuẩn bị  **2.** Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý.  **3.** Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**:  - Hướng dẫn đọc lại đoạn trích “Đổi tên cho xã” để thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập, tìm ý và lập dàn ý.  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  - Sửa bài cho học sinh.  **Học sinh**:  - Hoàn thiện phiếu học tập  - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa.  **+** Tình huống của đoạn trích là gì? Có những nhân vật nào?  + Các nhân vật có đặc điểm gì, đại diện cho kiểu người nào?  + Hành động và lời thoại của các nhân vật được khắc họa ra sao?  + Có những chi tiết vô lí, gây cười nào thể hiện tính hài kịch của đoạn trích?  + Có những xung đột nào trong đoạn trích? Kết quả giải quyết là gì?  - Nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích?  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV**: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - **HS**:  + Trình bày sản phẩm của mình.  + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Thực hành**  2.1. Đề bài: Phân tích đoạn trích “Đổi tên cho xã” (từ vở kịch “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ)  **a. Chuẩn bị**  - Nội dung: cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người, qua đó làm nổi bật lên một trong những thói hư tật xấu tồn tại trong xã hội là "Bệnh sĩ".  - Nghệ thuật:  + Xây dựng tình huống xung đột giàu kịch tính  + Khắc họa tính cách nhân vật chân thực, độc đáo.  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý**  - Tình huống của đoạn trích: Xã Hùng Tâm mở cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người.  - Nhân vật: Ông Nha, Văn Sửu, ông Độp, bà Độp, ông Thình.  - Đặc điểm nhân vật:  + Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội.  + ...  - Hành động và lời thoại của các nhân vật: có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Ông Đốp một tên hoạn lợn lại được phong cho làm chức Chủ nhiệm Trung tâm Triệt sản gia súc xã Hung Tâm; Ông Thình vốn là đội trưởng đội làm những nghề phụ của xã lại được phong làm Chủ nhiệm Trung tâm Công nghệ...  - Những chi tiết vô lí, gây cười thể hiện tính hài kịch của đoạn trích: Lời nói có nhiều từ ngữ không rõ nghĩa như: ta bung ra, ta bung ra pháo, cố nói những từ khoa học càng lộ ra sự thiếu hiểu biết như Trung tâm Công nghệ mà chỉ sản xuất có pháo.  - Những xung đột trong đoạn trích: mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế.  => Kết quả là một loạt các chức danh mới được tạo ra nhưng không khoa học và rối loạn.  - Nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích:  + Văn bản đã phê phán một hiện tượng nhức nhối trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện.  + Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại.  **\* Lập dàn ý**  **-** Mở bài: Giới thiệu đoạn trích Đổi tên cho xã; nêu ấn tượng, cảm nhận chung về đoạn trích  - Thân bài:  + Khái quát nội dung đoạn trích và nêu tình huống kịch  + Lí giải xung đột và việc giải quyết xung đột thể hiện trong đoạn trích  + Phân tích đặc điểm nổi bật của một số nhân vật, qua đó thấy được ý nghĩa của đoạn trích  - Kết bài: Nhận xét về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; rút ra những bài học về nhận thức và hành động cho bản thân.  **c. Viết**  - Dựa vào dàn ý để viết thành bài văn hoàn chỉnh.  **d. Kiểm tra và chỉnh sửa**  - Đọc và sửa lại bài viết. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c. Sản phẩm:Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**:

Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập: Chỉ ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và cách phân tích bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn sau: “Nhân vật để lại ấn tượng… giấc mơ!”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS:

- Lí lẽ và bằng chứng trong bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học phải xuất phát từ nội dung tác phẩm, làm rõ cho vấn đề trọng tâm đã nêu lên

- Bằng chứng là những câu văn, câu thơ, hình ảnh, chi tiết, sự việc… được trích dẫn trực tiếp trong văn bản

- Bằng chứng cần được chọn lọc để vừa tiêu biểu vừa phù hợp với lí lẽ và luận điểm, tránh trích dẫn tràn lan.

- Bằng chứng sau khi trích phải được phân tích, lí giải, bình luận nhằm làm sáng tỏ luận điểm.

**HS**: Thảo luận nhóm bàn tìm các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Luận điểm | Lí lẽ | Bằng chứng |
| Nhân vật để lại ấn tượng nổi bật trong đoạn trích kịch Đổi tên cho xã là ông Nha – chủ tịch xã, một điển hình cho kiểu người háo danh, sĩ diện. | Là con người, ai cũng có những mong muốn, kì vọng nhưng nếu những mong muốn không xuất phát từ thực tế sẽ chỉ là ảo tưởng, cố theo đuổi bằng được ảo tưởng đó và tìm cách huyễn hoặc mình thì chẳng khác nào lừa người, lừa mình.  Ông khao khát thay đổi hoàn cảnh nhưng lại không có phương pháp đúng. Làm gì có chuyện chỉ cần đặt lại cho xã cái tên mới thật kêu là mọi việc sẽ thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp như một giấc mơ! | Đưa ra việc ông chủ tịch xã dù thiếu hiểu biết nhưng nóng vội tuyên bố rằng “lịch sử xã ta mở sang một trang mới”, “chấm dứt cái tên ... nôm na của một quá khứ tối tăm, nghèo khổ” |

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các dạng bài theo yêu cầu.

b. Nội dung:Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: bài nghị luận về tác phẩm kịch.

d. Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

- Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: Tiếp tục hoàn thiện các bài tập, luyện viết

- Chuẩn bị bài sau: Nói và nghe: Thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề của tác phẩm văn học.

*-* Đọc nội dung kiến thức ngữ văn trong sgk.

- Chuẩn bị trước bài học theo định hướng trong sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  28/3/2024 | Dạy | Ngày | 22/4/2024 | 22/4/2024 |
| Tiết | 2 | 4 |
| Lớp | 8A | 8B |

**BÀI 9- TIẾT 126**

**NÓI VÀ NGHE:TRÌNH BÀY GIỚI THIỆU VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Xác định được ý kiến, trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề của tác phẩm văn học.

- Trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề của tác phẩm văn học.

- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

***2. Về năng lực:***

- Biết cách nói và nghe phù hợp, sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

***3. Về phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, học hỏi, sáng tạo.

-*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề học tập**

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

b. Nội dung: Tổ chức nghe video hoặc trò chơi, đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GVB và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trong số những tác phẩm đã học, em ấn tượng nhất với tác phẩm nào? Chỉ ra vấn đề cụ thể của tác phẩm ấy mà em thấy quan tâm nhất?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, đánh giá thái độ làm việc của HS, dẫn vào bài. |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

a. Mục tiêu: HS xác định mục đích nói và nghe, chuẩn bị nội dung bài nói và nghe.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **1. Định hướng** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS đọc thêm phần Định hướng, trả lời các câu hỏi.  *+ Vấn đề của tác phẩm văn học mà em định trình bày là gì? (HS gõ vào phần chát)*  *+ Để trình bày ý kiến về một vấn đề trong tác phẩm văn học, các em cần làm gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, dẫn vào bài học. | **1. Định hướng**  - Xác định vấn đề: Lựa chọn vấn đề của tác phẩm văn họcem định trình bày ý kiến.  - Để trình bày ý kiến trước lớp về vấn đề đã xác định, các em cần:  + Xác định ý kiến của mình về vấn đề đó và các lí lẽ, bằng chứng em định sử dụng để thuyết phục mọi người. (Chú ý hệ thống bằng chứng cần đa dạng)  + Chuẩn bị tranh ảnh hoặc video, thiết bị hỗ trợ (nếu có). |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập, thực hành**

a. Mục tiêu: Nắm được các bước để chuẩn bị bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề của tác phẩm văn học thông qua phần thực hành đề bài: *“Giả sử trong buổi sinh hoạt ngoại khóa của lớp vào tuần tới, nhóm em đăng kí trình bày về một vấn đề của văn bản “Đổi tên cho xã” trích từ vở hài kịch “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ, em sẽ trình bày bài giới thiệu của nhóm em như thế nào?”*

b. Nội dung: Thực hiện bài tập thực hành và vận dụng kiến thức lí thuyết theo hướng dẫn. Làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Sản phẩm cần đạt** | | |
|  | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS chuẩn bị ở nhà:  + Dàn ý bài nói.  + Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân ở nhà và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | | | | **II. Thực hành**  **1.Chuẩn bị**  - Xem lại dàn ý đã làm ở phần Viết.  - Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có). |
| 1. **Tìm ý và lập dàn ý** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV lựa chọn 1 bài bất kì và chữa cho cả lớp cùng quan sát.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | | | - Bổ sung, chỉnh sửa dàn ý cho bài nói (nếu cần thiết).  - Nếu trình bày ý kiến về một vấn đề khác với vấn đề ở phần Viết thì lập dàn ý cho bài nói. | |
| **c) Nói và nghe** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Dựa trên dàn ý đã sửa, HS trình bày trước lớp.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | Người nói: Dựa vào dàn ý, thực hiện việc trình bày ý kiến về vấn đề đã lựa chọn bằng lời trước tổ hoặc lớp. Chú ý đảm bảo nội dung và cách trình bày để bài nói trở nên hấp dẫn.  Người nghe: Tóm tắt được nội dung chính mà người nói trình bày. | | | |
| **d) Kiểm tra và chỉnh sửa** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chỉnh sửa bài nói.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Chỉnh sửa cá nhân, chỉnh sửa theo nhóm và trước lớp.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | - Người nói:  + Xem nội dung bài nói đã đủ ý chưa (Ý kiến về vấn đề trong tác phẩm thế nào? Lí lẽ ra sao? Có nêu được các bằng chứng cụ thể, đa dạng không?)  + Rút kinh nghiệm về cách trình bày: Diễn đạt có rõ ràng, dễ hiểu không? Ngôn ngữ, điệu bộ, thái độ,… đã phù hợp chưa?  - Người nghe:  + Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin (ý kiến, lí lẽ và bằng chứng) của người nói.  + Tập trung chú ý theo dõi người nói, nêu câu hỏi nếu thấy chưa rõ. | | | |

* Hướng dẫn về nhà:

GV hướng dẫn HS đọc thêm: các văn bản nghị luận về các vấn đề xã hội + chuẩn bị bài tổng kết và tự đánh giá.